TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 415/2022/HS-PT
Ngày: 26/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 319/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Thái Vĩnh T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và các bị cáo Nguyễn Văn Th; Nguyễn Huỳnh Minh T3 về tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HSST ngày 19/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: **Thái Vĩnh T,** sinh ngày 20/8/1958 tại huyện V, tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 69, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Số 10, đường P, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Hưu trí *(nguyên Giám đốc Chi nhánh miền Trung - Binh đoàn 12 thuộc Tổng công ty xây dựng TS, nghỉ hưu tháng 9/2013)*; trình độ học vấn: 10/10; Thái độ chính trị: Đảng viên *(đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 41-QĐ/UBKTTƯ ngày 06/01/2020 của UBKT Quận ủy S - Đà Nẵng)*; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Vĩnh X (chết) và bà Trần Thị S1 (chết); có vợ Phan Thị Th1, sinh năm 1961 và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 4 đang khởi tố, điều tra về các tội: *"Giả mạo chức vụ, cấp bậc công tác"*; *"Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* và tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài*

sản" tại một vụ án khác; bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị cáo: **Nguyễn Văn Th,** sinh ngày 04/4/1959 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Hưu trí *(Nguyên Giám đốc Ban QLDA, nghỉ hưu tháng 5/2019)*; Trình độ học vấn: 10/10; Thái độ chính trị: Đảng viên *(đã bị xử lý kỷ luật, khai trừ đảng tại quyết định số 1930-QĐ/TU ngày 26/12/2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình)*; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T1 (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); có vợ Huỳnh Thị Minh H, sinh năm 1962 và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị Cơ quan điều tra hình sự Công an tỉnh Quảng Bình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử về hành vi phạm tội *"Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng"* tại một vụ án khác. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*.

3. Bị cáo: **Nguyễn Huỳnh Minh T3,** sinh ngày 07/7/1991 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị Minh H, sinh năm 1962; có vợ Đặng Thị B, sinh năm 1994 và 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thái Vĩnh T*: Ông Võ Ngọc M, sinh năm 1958, luật sư Văn phòng luật sư TP; địa chỉ: Số 4, đường B2, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th*:

1. Ông Võ Ngọc M, sinh năm 1958, luật sư Văn phòng luật sư TP; địa chỉ: Số 4, đường B2, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt

2. Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm 1961, luật sư Văn phòng luật sư V1; địa chỉ: 58C đường H1, phường TB, quận N2, thành phố Cần Thơ. vắng mặt

3. Ông Võ Bá H2, luật sư Văn phòng luật sư M1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3*:

1. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1959, luật sư Công ty Luật TNHH IMC; địa chỉ: Thành phố Hà Nội, có mặt

2. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1962, luật sư Công ty Luật TNHH IMC; địa chỉ: Thành phố Hà Nội. có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê Văn S2; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Đ3, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

2. Nguyễn Anh T3; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 4, phường Bắc Lý, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

3. Trương Tấn L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- *Người giám định*: Ông Nguyễn Phước K; Giám định viên Tư pháp - phó Chánh Thanh tra - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn T3; địa chỉ: thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Gói thầu DH/NT.03 rà phá bom mìn, vật nổ có diện tích 6,2 ha thuộc Công trình xây dựng nghĩa trang xã B3, thành phố Đ2 (sau đây gọi là gói thầu DH/NT.03) được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 12/12/2017, giao cho Ban quản lý dự án Môi trường và biến đổi khí hậu thành phố Đ2 (sau đây gọi là BQLDA) thực hiện quản lý dự án. Biết được thông tin về gói thầu, ông Thái Vĩnh T nguyên Giám đốc Chi nhánh Miền Trung thuộc Tổng công ty xây dựng TS (nghỉ hưu từ tháng 9/2013) liên hệ với BQLDA xin thực hiện gói thầu. Ngày 13/12/2017, BQLDA có Công văn số 333c/CV-QLDA đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu 4 - Bộ Quốc phòng chỉ định các đơn vị thực hiện rà phá bom mìn vật nổ, ông Thái Vĩnh T trực tiếp nhận công văn chuyển cho Bộ Tư lệnh Quân khu 4. Ngày 13/12/2017, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 có Quyết định số 2493/QĐ-BTL về việc tổ chức thực hiện công tác khảo sát, lập phương án, dự toán và thi công rà phá bom mìn, vật nổ gói thầu DH/NT.03. Trong đó, giao cho Kho K77 Công binh - Quân khu là đơn vị khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công dự toán và giao cho Tổng Công ty Xây dựng TS là đơn vị thi công gói thầu. Quyết định này Thái Vĩnh T nhận trực tiếp từ Bộ Tư lệnh Quân khu 4 để chuyển đến cho BQLDA. Trước khi chuyên cho BQLDA, T đã thuê dịch vụ làm giả văn bản thay đổi một số nội dung khác với nội dung của văn bản thật. Cụ thể: Quyết định số 2493/QĐ-BTL ngày 13/12/2017 của Bộ Tư lệnh Quân khu 4 được thay đổi nội dung từ giao cho Kho K77 Công binh - Quân khu là đơn vị khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán thành "Giao cho Tổng công ty xây dựng TS thực hiện cả công tác khảo sát, lập phương án kỹ thuật, dự toán và thi công rà phá bom mìn,vật nổ". Đồng thời thêm nội dung "Cơ quan chủ nhiệm Công binh - Quân khu 5 giám sát chất lượng thi công rà phá bom mìn, vật nổ".

Thực hiện Quyết định số 2493/QĐ-BTL (QĐ đã bị T thay đổi), ngày 13/12/2017, BQLDA có văn bản số 28/TTR-KHKT đề nghị Tổng Công ty xây dựng TS dự thảo Hợp đồng khảo sát, lập phương án, dự toán rà phá bom mìn, vật nổ gói thầu DH/NT.03. Trong ngày 14/12/2017, BQLDA (Nguyễn Văn Th- Giám đốc) và Trung tâm rà phá bom mìn vật nổ TS thuộc Tổng Công ty xây dựng TS (do Thái Vĩnh T mạo danh Giám đốc) ký hợp đồng đối với hạng mục khảo sát, lập phương án, dự toán rà phá bom mìn, vật nổ gói thầu DH/NT.03 với giá trị Hợp đồng là 23.000.000 đồng.

Ngày 19/12/2017, BQLDA ký Hợp đồng tư vấn giám sát với Cơ quan chủ nhiệm Công binh - Quân khu 5, giá trị hợp đồng 7.669.000 đồng. Nguyễn Văn Th ký hợp đồng trên bản hợp đồng đã có chữ ký, đóng dấu sẵn của đơn vị Cơ quan chủ nhiệm Công binh - Quân khu 5 do Thái Vĩnh T thuê dịch vụ làm giả. Trong khi đó, căn cứ Quyết định số 2493/QĐ-BTL của Bộ tư lệnh quân khu 4 (Quyết định thật), Kho K77 Công binh - Quân khu đã tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán trình Bộ tham mưu Quân khu 4 thẩm định. Ngày 15/12/2017, Bộ Tham mưu Quân khu 4 có báo cáo kết quả thẩm định số 2346/BC-BTM trình Bộ Tư lệnh Quân khu 4 phê duyệt. Ngày 20/12/2017, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 ban hành Quyết định số 2560/QĐ-BTL về việc phê duyệt phương án kỹ thuật thi công và phê duyệt kết quả thẩm định dự toán với giá trị 455.205.000 đồng. Các văn bản này cũng được giao trực tiếp cho Thái Vĩnh T nên T lại tiếp tục thuê dịch vụ làm giả văn bản thay đổi một số nội dung khác với nội dung của văn bản thật, cụ thể thay đổi phần nội dung phương án kỹ thuật thi công và nâng giá trị dự toán từ 455.205.000 đồng lên 822.962.000 đồng và nộp tất cả những tài liệu làm giả này cho Ban QLDA để xin tham gia dự thầu.

Ngày 18/12/2017, Ban QLDA có Quyết định số 136a/QĐ-QLDA về việc thành lập Tổ thẩm định gồm: Trương Tấn L, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Thanh Th3; Quyết định số 137a/QĐ-QLDA về việc thành lập Tổ chuyên gia xét thầu gồm: Nguyễn Anh T3, Nguyễn Huỳnh Minh T3, Lê Văn S2. Trên cơ sở Quyết định 2560/QĐ-BTL của Bộ tư lệnh Quân khu 4 (QĐ đã bị T thay đổi nội dung): Phòng Kế hoạch kỹ thuật BQLDA lập Hồ sơ yêu cầu cho gói thầu DH/NT.03. Tổ chuyên gia xét thầu có Tờ trình số 01/TTr-TCG về việc đề nghị phê duyệt Hồ sơ yêu cầu và chỉ định nhà thầu nhận Hồ sơ yêu cầu gói thầu DH/NT.03, Nguyễn Anh T3 - Tổ trưởng ký; Tổ Thẩm định có báo cáo số 01/TĐ-HSYC với nội dung "Đồng ý với hồ sơ yêu cầu do Phòng KHKT xây dựng". Ngày 21/12/2017, BQLDA có Quyết định số 144a/QĐ-QLDA về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu và chỉ định Nhà thầu nhận hồ so yêu cầu đối với Tổng Công ty xây dựng TS. Ngày 25/12/2017, Thái Vĩnh T mang hồ sơ dự thầu nộp trực tiếp tại phòng Hành chính tổng hợp (viết tắt HCTH) BQLDA, việc đóng mở thầu thực hiện cùng ngày. Tổ chuyên gia xét thầu tiến hành đánh giá hồ sơ đề xuất, mặc dù tài liệu chứng minh tư cách ủy quyền cua Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn vật nổ TS là không hợp pháp, tài liệu

chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không có căn cứ (báo cáo tài chính, hợp đồng tương tự chưa được chứng thực), chấp nhận một đơn vị vừa lập phương án kỹ thuật, dự toán, vừa thi công rà phá bom mìn là không đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu, hồ sơ đề xuất không có đề xuất về mặt kỹ thuật, không tuân thủ phương án kỹ thuật đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 4 phê duyệt, nhưng Nguyễn Anh T3, Nguyễn Huỳnh Minh T3 và Lê Văn S2 đều có phiếu đánh giá chấm đạt tất cả các nội dung và lập báo cáo trình lãnh đạo BQLDA đàm phán Hợp đồng với Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ TS (Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 27/12/2017). Tổ thẩm định có Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ thống nhất với kết quả đánh giá lựa chọn nhà thầu của Tổ chuyên gia xét thầu. Trên cơ sở đó, BQLDA có Quyết định số 165/QĐ-QLDA phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Thông báo trúng thầu số 363/TB-QLDA với giá đề nghị trúng thầu là: 612.522.715 đồng đối với Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ TS thuộc Tổng Công ty Xây dựng TS.

Ngày 02/02/2018, BQLDA ký Hợp đồng rà phá bom mìn gói thầu DH/NT.03 với Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ TS (do ông T mạo danh Giám đốc) với giá hợp đồng: 612.522.715 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng 01 tháng, sau đó được gia hạn 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, Thái Vĩnh T liên hệ ông Phùng Mạnh L1, công tác tại Trung tâm hành động bom mìn tỉnh Quảng Trị nhờ thi công, ông L1 đã liên hệ ông Nguyễn Ngọc M1 (trú tại xã A, huyện Quảng Ninh, cán bộ huyện đội nghỉ hưu) và ông M1 đã gọi thêm các ông: Trần Công T4, Từ Công N4, Nguyễn Ngọc M1, Lê Công A1 đều trú tại xã A, huyện Quảng Ninh và ông Nguyễn Văn Ng trú tại xã HT, huyện L (đều không có các chứng chỉ, năng lực về rà phá bom mìn) thi công trên hiện trường khoảng 09 ngày vào đầu tháng 5/2018, hiện không có cơ sở để xác định chi phí thi công là bao nhiêu *(Thái Vĩnh T khai đã chi 60.000.000 đồng cho ông Phùng Mạnh L1 và ông Nguyễn Ngọc M1 nhưng không có tài liệu gì để chứng minh, ông L1 và ông M1 không thừa nhận đã nhận số tiền này mà chỉ làm giúp Thái Vĩnh T).*

Sau khi thi công xong, Thái Vĩnh T tiếp tục thuê dịch vụ làm giả nhật ký thi công, hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu và có công văn đề nghị BQLDA thanh toán hợp đồng. Trương Tấn L được phân công kiểm tra hồ sơ nghiệm thu đề nghị thanh toán. Tại các biên bản bàn giao mặt bằng để thi công đề ngày 03/5/2018, Biên bản bàn giao mặt bằng đã rà phá bom mìn và Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 14/5/2018 đều ghi đại diện chủ đầu tư là ông Trương Tấn L - Phó giám đốc, nhưng Trương Tấn L không ký, L cũng không tham gia các công việc ghi trong biên bản. Hồ sơ cũng chưa có tài liệu chứng minh đã hủy nổ bom mìn, vật nổ thu được. Tuy vậy, Trương Tấn L đã ký Bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán ngày 21/5/2018 (phụ lục 03a) và ngày 29/5/2018 Trương Tấn L ký Tờ trình số

05/TTr-BQLDA đề nghị Giám đốc BQLDA phê duyệt thanh toán hợp đồng gói thầu rà phá bom mìn số tiền 581.896.579 đồng.

Ngày 21/5/2018, Nguyễn Văn Th ký Biên bản thanh lý hợp đồng rà phá bom mìn với số tiền 612.522.715 đồng với Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn vật nổ TS do ông T mạo danh ký. Ngày 07/6/2018, ông Lê Đức Mần - Kế toán trưởng B QLDA đã tham mưu cho Giám đốc BQLDA lập thủ tục rút vốn đầu tư, đề nghị Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Bình thanh toán cho Tổng Công ty Xây dựng TS các hợp đồng khảo sát, lập phương án dự toán số tiền 23.000.000 đồng và thi công rà phá bom mìn, vật nổ số tiền 581.896.579 đồng qua số tài khoản 112000182780 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đà Nẵng mang tên Tổng Công ty Xây dựng TS, tài khoản này do Thái Vĩnh T lập giả, mạo danh Tổng Công ty Xây dựng TS. Sau khi tiền chuyển vào tài khoản trên, Thái Vĩnh T đã chiếm đoạt toàn bộ.

Tại bản kết luận giám định số 760/PC09(GĐ), ngày 19/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã kết luận: Tất cả các giấy tờ, tài liệu Thái Vĩnh T sử dụng để tham gia dự thầu, trúng thầu, thi công và thanh toán gói thầu DH/NT.03 đều do Thái Vĩnh T làm giả.

Tại các bản Kết luận Giám định số 02/KLGĐ-KHĐT ngày 20/02/2020 và Kết luận giám định bổ sung số 100/KLGĐ-KHĐT, ngày 20/4/2020 của Giám định viên tư pháp Nguyễn Phước K đối với hồ sơ Gói thầu DH/NT.03 kết luận: Chủ đầu tư, đơn vị giám sát, đơn vị thi công chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình triển khai gói thầu ĐH/NT.03 cụ thể:

Chủ đầu tư ký kết hợp đồng không đúng với đơn vị Tư vấn thiết kế được Bộ Tư lệnh Quân khu 4 chỉ định tại Quyết định số 2493/QĐ-BTL; Hồ sơ yêu cầu của gói thầu do Chủ đầu tư lập bỏ nhiều yêu cầu, biểu mẫu so với mẫu hồ sơ yêu cầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, một số yêu cầu nhân sự, thiết bị thi công chưa phù hợp với gói thầu, yêu cầu kỹ thuật không rõ ràng, hồ sơ yêu cầu chưa xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, khối lượng chào thầu bị thiếu so với khối lượng đã được phê duyệt. Nội dung hồ sơ yêu cầu chưa phù hợp vơi Thông tư số 11/2015/TT-BLHĐT và nội dung gói thầu; Quá trình chấm thầu Chủ đầu tư không phát hiện ra sai sót cơ bản trong hồ sơ đề xuất của nhà thầu như tên đơn vị dự thầu không đúng với tên đơn vị được chỉ định, báo cáo tài chính hợp đồng tương tự chưa được chứng thực theo quy định, bảng tổng hợp giá dự thầu không đúng mẫu, không có chử ký, đóng dấu của nhà thầu. Hồ sơ đề xuất không có đề xuất kỹ thuật nhưng chủ đầu tư vẫn chấm đạt. Lấy năng lực kinh nghiệm của Tổng Công ty TS để đánh giá cho Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ TS; Công tác thẩm định không phát hiện được các sai sót trong quá trình lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất; Ký kết hợp đồng thi công không đúng đơn vị được Bộ Tư lệnh Quân khu 4 chỉ định tại Quyết định số 2493/QĐ-BTL. Ký Hợp đồng với một đơn vị vừa thiết kế vừa thi công chưa phù hợp với quy định; Công tác giám sát,

nghiệm thu chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ đầu tư chưa kiểm tra năng lực của đơn vị giám sát, đơn vị thi công trước khi khởi công xây dựng. Nhà thầu bố trí thiếu nhân sự, thiết bị tham gia thi công như Quyết định phê duyệt. Nghiệm thu kỹ thuật không tiến hành kiểm tra xác xuất hiện trường. Chủ đầu tư không ký xác nhận vào biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình. Không có tài liệu thể hiện đã hủy nố bom đạn tìm được trong quá trình rà phá; Chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vi tư vấn lập hồ sơ phương án kỹ thuật - dự toán không có tư cách pháp nhân, không có năng lực lập phương án khảo sát - dự toán theo quy định. Hồ sơ phương án kỹ thuật và dự toán đã dùng để thực hiện gói thầu còn có nhiều sai sót; Hợp đồng tư vấn lập phương án kỹ thuật - dự toán mà Chủ đầu tư đã ký kết vượt giá trị thực tế 10.296.598 đồng. Hợp đồng thi công rà phá bom mìn mà Chủ đầu tư đã ký vượt giá trị thực tế 176.327.565 đồng. Hai hợp đồng đã ký vượt giá trị thực tế 186.669.136 đồng; Chủ đầu tư ký kết hợp dồng thi công rà phá bom mìn với đơn vị không có tư cách pháp nhân, không có năng lực thi công rà phá bom mìn. Nhân sự thi công gói thầu không đúng tiêu chuẩn theo quy định, không có máy móc thiết bị chuyên dụng, thi công không tuân thủ phương án kỹ thuật được phê duyệt. Việc khối lượng thi công như trong hợp đồng là không khả thi; Quá trình triển khai thi công tại hiện trường không được kiểm tra, giám sát, giám định theo quy định. Với giả thiết chất lượng hồ sơ lập phương án kỹ thuật - dự toán đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, Chủ đầu tư đã thanh toán vượt giá trị thực tế 10.296.598 đồng. Giả thiết đơn vị thi công hoàn thành khối lượng công trình đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư đã thanh toán vượt giá trị thực tế 145.719.429 đồng. Tổng cộng số tiền thanh toán vượt giá trị thực tế là 156.016.027 đồng.

***Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HSST ngày 19/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định*:**

Tuyên bố: Bị cáo Thái Vĩnh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Huỳnh Minh T3 phạm tội 'Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Về điều luật áp dụng và hình phạt.

Đối với bị cáo Thái Vĩnh T: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Vĩnh T 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính tù ngày bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/5/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo Thái Vĩnh T trong thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360, các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3: Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 360, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3.

Giao bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 cho Ủy ban nhân dân phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trương Tấn L *(36 tháng cải tạo không giam giữ)*, Nguyễn Anh T3 *(30 tháng cải tạo không giam giữ)*, Lê Văn S2 *(24 tháng cải tạo không giam giữ)*; quyết định về hình phạt bổ sung; trách nhiệm bồi thường dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Thái Vĩnh T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Huỳnh Minh T3 có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo của bị cáo Thái Vĩnh T cho rằng: Vụ án liên quan đến thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quân đội nhưng bị tách nhỏ ra để xét xử là chồng chéo, gây bất lợi cho bị cáo, việc thực hiện hợp đồng rà phá bom mìn đã đảm bảo thực hiện dự án an toàn, không xảy ra hậu quả thiệt hại cho chủ đầu tư, không có hành vi lừa đảo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm áp dụng biện pháp tố tụng phù hợp và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 cho rằng việc xét xử vụ án không đúng thẩm quyền, giám định tư pháp trong vụ án không đúng pháp luật, xác định tư cách tố tụng không đúng, hợp đồng gói thầu DH/NT 03 không có hậu quả thiệt hại, Bản án sơ thẩm tuyên xử không đúng pháp luật, các bị cáo không có hành vi phạm tội thiếu trách nhiệm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, tội phạm của từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, xác định lại đúng hậu quả thiệt hại, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ mức án của từng bị cáo phù hợp theo điều luật, khung hình phạt cho các bị cáo, kể cả các bị cáo không có kháng cáo. *(Có bài phát biểu cụ thể kèm theo hồ sơ vụ án)*

Các luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo:

- Luật sư Võ Ngọc M bào chữa cho bị cáo Thái Vĩnh T và bị cáo Nguyễn Văn Th, Luật sư Võ Bá H2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th trình bày: Cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử xụ án là không đúng thẩm quyền, hành vi phạm tội của Thái Vĩnh T thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự, việc giám định thiệt hại trong vụ án không đúng quy định của pháp luật, xác định tư cách tố tụng không đúng, quá trình giải quyết vụ án có nhiều vi phạm tố tụng và áp dụng pháp luật không đúng, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ đến các cơ quan tiến hành tố tụng của Quân khu 4 để giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

- Các Luật sư: Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Văn O bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 trình bày luận cứ cho rằng: Về tố tụng cũng giống như các Luật sư sư Võ Ngọc M và Luật sư Võ Bá H2 đã trình bày, đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 không có hành vi phạm tội *'Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng",* quá trình giải quyết vụ án có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Xem xét kháng cáo của các bị cáo xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xem xét về thẩm quyền xét xử: Bị cáo Thái Vĩnh T nguyên cấp hàm đại tá – Giám đốc Chi nhánh Miền trung thuộc Tổng công ty xây dựng TS là một quân nhân đã nghỉ hưu từ năm 2013, do biết được thông tin về Dự án xây dựng nghĩa trang xã B3, do UBND tỉnh Quảng Bình là chủ đầu tư phê duyệt giao cho Ban quản lý dự án môi trường và biến đổi khí hậu thành phố Đ2 *(Viết tắt BQLDA)* thực hiện trong đó có gói thầu DH/NT. 03 về rà phá bom mìn vật nổ, bị cáo Thái Vĩnh T đã có hành vi thuê người tẩy xóa, chỉnh sửa làm thay đổi một số nội dung trong Quyết định 2493/QĐ-BTL ngày 13/12/2017 của Bộ tư lệnh quân khu 4 và thuê người làm giả con dấu của Trung tâm dò tìm, xử lý bom mìn thuộc Tổng công

ty xây dựng TS. Các hành vi trên có ảnh hưởng đến danh dự uy tín của Quân đội nhân dân Việt Nam nên đã được các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự của Quân khu 4 khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm được đưa ra xét xử trong vụ án này là các hành vi*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* là những hành vi phạm tội độc lập, đối với gói thầu DH/NT.03 về rà phá bom mìn, vật nổ, xảy ra tại Quảng Bình, đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình khởi tố, điều tra trước, không liên quan đến Quân đội cũng như các tội danh mà Cơ quan điều tra Quân khu 4 đã khởi tố, điều tra đối với Thái Vĩnh T, mặc khác, tại thời điểm Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình xét xử về hành vi*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* đối với gói thầu DH/NT.03 thì tại Tòa án Quân sự Quân khu 4 cũng chưa xem xét gì về hành vi phạm tội đối với gói thầu nêu trên, do vậy, không có việc một hành vi phạm tội bị xét xử hai lần như bị cáo T và các Luật sư nêu trong trong quá trình tranh tụng. Tuy Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 4 có công văn số 142/ĐTHS-ĐTV ngày 14/5/2021 đề nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình chuyển vụ án, nhưng qua công tác phối hợp, xác định hành vi, tính chất, phạm tội của bị cáo T, địa bàn xảy ra vụ án, sự liên quan các bị cáo khác và bị hại đều không phải là người trong quân đội, tại Bản án sơ thẩm đã xem xét, nhận định đầy đủ về thẩm quyền, vụ án không thuộc trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Quảng Bình khởi tố, truy tố và xét xử đối với vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Điều 268; Điều 269; Điều 272 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt giao cho Ban quản lý Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đ2 thực hiện Công trình nghĩa trang xã B3, thành phố Đ2 thì UBND tỉnh Quảng Bình là chủ đầu tư dự án, người quản lý và chịu trách nhiệm tài chính của Nhà nước để thực hiện dự án nói trên, căn cứ vào Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định UBND tỉnh Quảng Bình tham gia tố tụng với tư cách "Bị hại" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.3]. Về giám định tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã trưng cầu ông Nguyễn Phước K – Giám định viên về lĩnh vực xây dựng để giám định tư pháp về rà phá bom mìn, vật nổ là không phù hợp và đảm bảo khách quan bởi lẻ, ông K không có kiến thức chuyên môn về rà phá bom mìn, vật nổ, hơn nữa, ông K là cán bộ công chức thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình, chấp hành theo sự quản lý phân công của UBND tỉnh Quảng Bình là bị hại trong vụ án. Việc ông K tham gia tố tụng làm Giám định viên trong vụ án này là chưa đúng với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 2, Điều 3 Luật giám định tư pháp. Mặc khác, về nội dung các Kết luận giám định và giám định bổ sung cũng chưa xác định được cụ thể hậu quả thiệt hại,

chỉ đánh giá về những sai sót trong việc thực hiện trình tự, thủ tục đối với gói thầu, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét, tham khảo khi xét xử vụ án. Xét thấy, đây là vụ án xét xử bị cáo Thái Vĩnh T về hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để kết luận hậu quả vật chất từ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không cần thiết phải trưng cầu giám định lại hậu quả.

[2]. Về hành vi phạm tội:

[2.1]. Đối với bị cáo Thái Vĩnh T: Do biết được thông tin về dự án công trình xây dựng nghĩa trang xã B3, thành phố Đ2 và gói thầu ĐH/NT 03 về rà phá bom mìn, vật nổ bị cáo Thái Vĩnh T đã liên hệ với BQLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đ2 để xin thực hiện gói thầu nói trên, ngày 13/12/2017, BQLDA có công văn số 333c/CV-QLDA gửi Bộ tư lệnh quân khu 4 Bộ quốc phòng về việc chỉ định các đơn vị thực hiện rà phá bom mìn, vật nổ đối với dự án, ngày 13/12/2017 Bộ tư lệnh Quân khu có Quyết định số 2493/QĐ-BTL về việc, tổ chức thực hiện công tác khảo sát, lập phương án dự toán và thi công rà phá bom mìn, vật nổ đối với gói thầu DH/NT 03, các văn bản đều do Thái Vĩnh T nhận, giao trực tiếp cho BQLDA. Nội dung Quyết định trên giao cho Kho K77, Công binh – Quân khu là đơn vị khảo sát, lập Phương án kỹ thuật thi công và dự toán, nhưng Thái Vĩnh T đã thuê người chỉnh sửa nội dung trong Quyết định trên thành nội dung khác là: "Giao cho Tổng công ty xây dựng TS thực hiện.." các công việc nêu trên, đồng thời thêm nội dung "Cơ quan chủ nghiệm Công binh – Quân khu 5 giám sát chất lượng thi công rà phá bom mìn, vật nổ".

Do không biết được nội dung đã bị thay đổi, ngày 13/12/1017 BQLDA có văn bản số 28/TTR-KHKT gửi Tổng công ty TS dự thảo Hợp đồng khảo sát, lập phương án, dự án rà phá bom mìn, vật nổ gói thầu DH/NT.03, ngày 14/12/2017 Nguyễn Văn Th bên BQLDA và Thái Vĩnh T *(mạo danh Giám đốc Trung tâm rà soát bom, mìn, vật nổ thuộc Công ty xây dựng TS)* ký hợp đồng đối với hạng mục khảo sát, lập phương án, dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ gói thầu DH/NT.03 có giá trị Hợp đồng là 23.000.000 đồng. Ngày 19/12/2017 ông Nguyễn Văn Th đại diện BQLDA còn ký hợp đồng tư vấn giám sát với cơ quan chủ nhiệm Công binh – Quân khu 5 có giá trị hợp đồng là 7.669.000 đồng.

Toàn bộ các văn bản, hợp đồng nêu trên đều phát sinh, xuất phát từ những hành vi gian dối của bị cáo Thái Vĩnh T. Trong lúc đó, căn cứ vào nội dung thật của QĐ 2439/QĐ-BTL của Bộ tư lệnh quân khu 4, kho K77, Công bình quân khu 4 cũng đã tiến hành khảo sát lập Phương án kỹ thuật thi công và dự toán để trình bộ tham mưu Quân khu 4 thẩm định. Ngày 20/7/2017 Bộ tư lệnh Quân khu 4 có Quyết định 2560/QĐ-BTL về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật thi công và phê duyệt dự toán gói thầu DH/NT 03 có giá trị 455.205.000 đồng, cũng do Thái Vĩnh T trực tiếp nhận Quyết định 2560/QĐ-BTL nói trên sau đó chuyển cho BQLDA, bị

cáo đã chỉnh sửa nội dung Quyết định 2560/QĐ-BTL, nâng giá phê duyệt dự án từ 455.205.00 đồng lên 822.962.000 đồng, rồi nộp cho BQLDA để tham gia dự thầu, kết quả tham gia, Trung tâm do tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ TS *(Do Thái Vĩnh T giả mạo làm Giám đốc)* trúng thầu với giá 612.522.715 đồng. Sau đó, ngày 02/02/2018, BQLDA ký Hợp đồng rà phá bom, mìn, vật nổ gói thầu DH/NT.03 với Trung tâm dò tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ giá trị hợp đồng là 612.522.715 đồng.

Quá trình thự hiện Hợp đồng Thái Vĩnh T đã liên hệ với ông Phùng Mạnh L1 công tác tại Trung tâm hành động bom, mìn tỉnh Quảng Trị thi công, ông L1 đã liên hệ ông Nguyễn Ngọc M1, ông M1 đã liên hệ gọi thêm các ông Trần Công T4, Từ Công N4, Nguyễn Ngọc M1, Lê Công A1 và ông Nguyễn Văn Ng thi công rà phá bom mìn, thời gian 09 ngày vào tháng 05/2018. Sau khi thi công thì hai bên đã thanh lý Hợp đồng với số tiền 612.522.715 đồng.

Xem xét về hậu quả: Xét thấy, việc thực hiện dự án Công trình xây dựng nghĩa trang xã B3, thành phố Đ2 là có thật, đã được UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định phê duyệt giao cho BQLDA môi trường và biến đổi khí hậu thành phố Đ2 thực hiện, trong đó có gói thầu DH/NT.03 về rà phá bom, mìn, vật nổ trên diện tích 6,2 ha. Do có nhu cầu thực hiện gói thầu nói trên bị cáo Thái Vĩnh T đã có hành vi thuê người chỉnh lý, thay đổi nội dung văn bản của Bộ tư lệnh Quân khu 4, khắc giả con dấu của Cơ quan Trung tâm rà phá bom mìn, vật nổ thuộc Tổng công ty xây dựng TS là đơn vị kinh tế thuộc quản lý của Quân đội, các hành bị nói trên của bị cáo thuộc thẩm quyền xem xét của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự của Quân khu 4, đối với gói thầu DH/NT.03 bị cáo Thái Vĩnh T có hành vi gian dối trong việc thay đổi Quyết định 2560/QĐ-BTL của Bộ tư lệnh quân khu 4, nâng giá dự toán được thẩm định từ 455.205.000 đồng lên 822.962.000 đồng sau đó tham gia dự thầu, trúng thầu và ký kết hợp đồng với giá trị 612.522.715 đồng, vượt dự toán đã được thẩm định và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền là 157.317.715 đồng. Tuy bị cáo Thái Vĩnh T có nhiều hành vi giả mạo trong quá trình dự thầu, hợp đồng và thanh lý đối với gói thầu, nhưng thực tế bị cáo đã tiến hành thuê người thi công hoàn thành gói thầu, bàn giao mặt bằng để xây dựng Công trình Nghĩa trang xã B3 hoàn thành và đảm bảo an toàn.

Như vậy, số tiền Nhà nước phải chi phí cho gói thầu là 455.205.000 đồng, số tiền này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật, quá trình thực hiện thực tế đã có hoạt động rà phá bom mìn, vật nổ, quá trình điều tra không chứng minh được chi phí thực tế, tại Kết luận giám định cũng chỉ đưa ra hậu quả của vụ án trên các giả thiết (giả sử), việc Bản án sơ thẩm quy kết hậu thiệt hại đối với số tiền 455.205.000 đồng là chưa có cơ sở. Hành vi phạm tội của bị cáo Thái Vĩnh T thể hiện việc gian dối là đã sửa chữa Quyết định 2560/QĐ-BTL từ 455.205.000 đồng lên 822.962.000 đồng. Sau đó tham gia dự thầu với giá trị hợp đồng và được thanh toán số tiền 612.522.715 đồng, nhằm để chiếm đoạt số

tiền 157.317.715 đồng. Tại Bản án sơ thẩm đã xác định số tiền bị cáo Thái Vĩnh T gây thiệt hại 604.896.579 đồng và xác định đó là hậu quả của vụ án là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bị cáo Thái Vĩnh T có hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt số tiền 157.317.715 đồng của Nhà nước, với hậu quả trên, hành vi của bị cáo Thái Vĩnh T đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự, tại Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng về hành vi phạm tội, tuy nhiên chưa đúng về hậu quả. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự để xét xử, giảm hình phạt đối với bị cáo Thái Vĩnh T.

Về quyết định hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy, xem xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Thái Vĩnh T Hội đồng xét xử thấy rằng, là một cựu sĩ quan, có cấp hàm Đại tá, được đào tạo, trưởng thành từ Quân đội nhân dân Việt Nam nhưng Thái Vĩnh T không giữ gìn phẩm chất cách mạng của người lính, chỉ vì động cơ vụ lợi cá nhân, lợi dụng mối quan hệ quen biết để giả danh, thuê người làm giả con dấu và thay đổi những nội dung văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, thể hiện sự gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt, hưởng lợi bất chính tiền ngân sách của Nhà nước, hành vi của bị cáo Thái Vĩnh T là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, vì vậy, cần phải xử phạt một mức án nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.2]. Xem xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3: Xét thấy, vào thời điểm thực hiện dự án Công trình xây dựng nghĩa trang xã B3, thành phố Đ2, bị cáo Nguyễn Văn Th giữ chức vụ Giám đốc BQLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đ2, bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 là cán bộ thuộc BQLDA là những người có trách nhiệm tổ chức, thực hiện gói thầu DH/NT.03 thuộc dự án Công trình nghĩa trang xã B3, thành phố Đ2, theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình, nhưng các bị cáo đã có hành vi thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công để cho bị cáo Thái Vĩnh T có nhiều hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt số tiền 157.317.715 đồng của Nhà nước. Xem xét bản Kết luận Giám định số 02/KLGĐ-KHĐT ngày 20/02/2020 và Kết luận giám định bổ sung số 100/KLGĐ-KHĐT, ngày 20/4/2020 của Giám định viên tư pháp Nguyễn Phước K đã nhận xét, đánh giá về tình trạng hồ sơ Gói thầu DH/NT.03 là phù hợp, hơn nữa, bị cáo Nguyễn Văn Th, đã thiếu trách nhiệm trong việc không kiểm tra tính xác của các văn bản do bị cáo Thái Vĩnh T *(sỹ quan đã nghỉ hưu)* trực tiếp giao, không theo đường công văn hành chính, sau khi nhận văn bản trực tiếp từ bị cáo T, bị cáo Thuận đã không liên hệ với cơ quan phát hành để phối hợp kiểm tra nội dung, yêu cầu của các văn bản, quá trình lập thủ tục, tài liệu hồ sơ hoạt động của gói thầu DH/NT.03, bị cáo Nguyễn Văn Th đã thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, chỉ

đạo, kiểm tra đối với các bộ phận, cán bộ thuộc quyền có liên quan trong việc tham mưu, đề xuất lựa chọn đối tượng thầu, ký kết các hợp đồng liên quan gói thầu DH/NT.03 và nghiệm thu thanh toán không đúng quy định, việc Thái Vĩnh T làm giả tài liệu, con dấu, có thể bị cáo Thuận không biết, nhưng do không chỉ đạo việc nghiên cứu, rà soát, đối chiếu với văn bản quy định của pháp luật về rà phá bom, mìn, vật nổ, quy trình thủ tục qua từng bước, từng hoạt động giao thầu để kiểm tra tính phù hợp với quy định của pháp luật, *(Quyết định 96/2006TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 146/TT-BQP ngày 11/9/2007 của Bộ quốc phòng)*, do không soát xét, nắm vững nên bị cáo Nguyễn Văn Th và một số cán bộ cấp dưới nằm trong các bộ phận tham mưu, đề xuất, đã ký kết hợp đồng không đúng đối tượng, tình trạng hồ sơ, thủ tục không đầy đủ, xác định khối lượng, chất lượng công việc, nghiệm thu thanh toán đều không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, để cho bị cáo Thái Vĩnh T có hành vi lợi dụng, lừa đảo chiếm đoạt số tiền 157.317.715 đồng của Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 cho rằng bản thân không được đào tạo, không nắm chuyên môn về lĩnh vực rà phá bom mìn, vật nổ, nhưng khi được bố trí vào "Tổ chuyên gia xét thầu" *(Theo Quyết định số 137a/QĐ-QLDA của BQLDA)* bị cáo đã không từ chối nhận nhận nhiệm vụ mà vẫn tham gia làm thành viên trong "Tổ chuyên gia xét thầu" nêu trên, quá trình tham gia bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 đã cùng với các bị cáo Nguyễn Anh T3 và Lê Văn S2 có Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu, cá nhân Nguyễn Huỳnh Minh T3 có Phiếu đánh giá chấm đạt các tiêu chí và tham gia lập báo cáo trình BQLDA ký kết Hợp đồng với Trung tâm do tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ TS, trong lúc còn thiếu rất nhiều thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về giao thầu, như đã phân tính lỗi chung của nhiều người trong BQLDA nêu trên, bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 đã có hành vi thiếu trách nhiệm trong việc đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu, góp phần dẫn đến hậu quả thiệt hại của vụ án. Tại Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 về hành vi*"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* là có căn cứ pháp luật.

Về hậu quả của những hành vi thiếu trách nhiệm, như đã phân tích ở phần trên, hậu quả thiệt hại từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Thái Vĩnh T *(Số tiền 157.317.715 đồng)*, đó cũng chính là hậu quả từ những hành vi thiếu trách nhiệm của các bị cáo Nguyễn Văn Th, Trương Tấn L, Nguyễn Anh T3, Nguyễn Huỳnh Minh T3 và Lê Văn S2.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3, xem xét về hậu quả thiệt hại để sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 điều 360 để xét xử đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Trương Tấn L, Nguyễn Anh T3 và Lê Văn S2 không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, tuy nhiên, do quá trình xét xử phúc thẩm đối với vụ án có thay đổi về hậu quả thiệt hại, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa mức hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo không có kháng cáo cho phù hợp và tương xứng vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Xem xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội để quyết định về hình phạt đối với các bị cáo phạm tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Văn Th và Trương Tấn L, Nguyễn Anh T3, Lê Văn S2 và Nguyễn Huỳnh Minh T3 đều phạm tội do lỗi vô ý, không có đồng phạm, không có động cơ vụ lợi gì khi thực hiện trách nhiệm được giao, các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, do vậy Hội đồng xét xử chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, tuỳ theo tính chất, mức độ phạm tội, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th và Trương Tấn L, Nguyễn Anh T3, Lê Văn S2 và Nguyễn Huỳnh Minh T3, cho các bị cáo được cải tạo tại cộng đồng, cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung, đối với bị cáo Nguyễn Văn Th là cán bộ đã nghỉ hưu, thuộc diện người cao tuổi, không có thu nhập gì ngoài tiền lương, do vậy miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Thuận. Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về khấu trừ thu nhập, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xem xét sửa lại phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại và án phí dân sự tại Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Thái Vĩnh T.

Về án phí phúc thẩm, do chấp nhận kháng cáo các bị cáo Thái Vĩnh T, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Huỳn Minh T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Thái Vĩnh T, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Huỳnh Minh T3, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022 ngày 19/6/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 174, các điểm s, v khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thái Vính T.

- Xử phạt bị cáo Thái Vĩnh T 04 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2020.

2. Áp dụng điểm d khoản 1, Điều 360, các điểm i, s, khoản 1, Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự. Đối với tất cả các bị cáo Nguyễn Văn Th, Trương Tấn L, Nguyễn Anh T3, Nguyễn Huỳnh Minh T3 và Lê Văn S2.

Áp dụng thêm điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Trương Tấn L; áp dụng thêm điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Anh T3; áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Huỳnh Minh T3 và Lê Văn S2.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tình từ ngày UBND phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

- Xử phạt bị cáo Trương Tấn L 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tình từ ngày UBND phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo Trương Tấn L.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T3 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tình từ ngày UBND phường Bắc Lý, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T3.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh T3 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn S2 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản án và quyết định thi hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

Về bồi thường thiệt hại áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Thái Vĩnh T trả lại 157.317.715 đồng *(một trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm mười bảy ngàn, bảy trăm mười lăm đồng)* cho UBND tỉnh Quảng Bình.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự trong vụ án hình sự: Buộc bị cáo Thái Vĩnh T phải chịu 7.866.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Thái Vĩnh T, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Huỳnh Minh T3 không phải chịu.

Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về khấu trừ thu nhập, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày UBND tỉnh Quảng Bình có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Thái Vĩnh T không nộp tiền bồi thường, hoặc nộp không đầy đủ thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án,bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương CôngThi